

Số:/2023/NQ-HĐND

Bình Định, ngày... tháng ... năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày .../.../20232 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-KTNS ngày .../.../2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa....., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202.../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị-xã hội;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH**Miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án
thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định miễn, giảm tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở ngoài công lập được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa quy định tại điểm a, khoản 2, Mục I của Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp (gọi chung là cơ sở thực hiện xã hội hóa);

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Quyết định này không áp dụng đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa.

Điều 2. Điều kiện được hưởng chính sách xã hội hóa

Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển theo Nghị quyết này phải thuộc Danh mục loại hình xã hội hóa và đáp ứng các tiêu chí về quy mô, tiêu chuẩn theo quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng

Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Miễn, giảm tiền thuê đất

Cơ sở thực hiện xã hội hóa đủ điều kiện quy định tại Điều 2 Quy định này được miễn, giảm tiền thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê khi Nhà nước cho thuê đất để thực hiện các dự án thuộc lĩnh vực xã hội hóa cụ thể như sau:

1. Đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại địa bàn xã thuộc các huyện, thị xã, thành phố: miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

2. Đối với các dự án thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị thuộc các huyện, thị xã, thành phố thì mức miễn, giảm tiền thuê đất được quy định như sau:

a) Giảm 80% tiền thuê đất tại địa bàn các phường của thành phố Quy Nhơn: Quang Trung, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Mây, Lý Thường Kiệt, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Đống Đa, Thị Nại, Hải Cảng, Ghềnh Ráng (Khu vực 1 và Khu vực 2 phường Ghềnh Ráng).

b) Giảm 90% tiền thuê đất tại địa bàn các phường của thành phố Quy Nhơn: Nhơn Bình, Nhơn Phú, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Khu vực 1 và Khu vực 2 của phường Ghềnh Ráng.

c) Giảm 90% tiền thuê đất đối với địa bàn thị trấn thuộc huyện Tuy Phước và địa bàn phường thuộc thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn.

d) Miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê đối với địa bàn thị trấn thuộc các huyện Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ.

3. Trường hợp dự án có diện tích đất nằm từ 02 địa bàn trở lên có mức miễn, giảm khác nhau thì được áp dụng mức miễn, giảm cao nhất.

Điều 4. Các vấn đề phát sinh

1. Những nội dung khác liên quan đến chính sách khuyến khích xã hội hóa mà không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ, Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Dự án đang hoạt động mà được ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất cao hơn quy định của Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi cho thời gian còn lại; trường hợp mức ưu đãi thấp hơn quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này của thời hạn ưu đãi còn lại kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.